

## **XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ VÀ CHỈ SỐ GIÁM SÁT DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP DELPHI CHO VÙNG ĐẮK NÔNG**

**Nguyễn Thị Thanh An<sup>1</sup>, Phí Đăng Sơn<sup>1</sup>**

<sup>1</sup>*Trường Đại học Lâm nghiệp*

### **TÓM TẮT**

Mục đích của nghiên cứu này là xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số nhằm đánh giá và giám sát các hoạt động du lịch sinh thái (DLST) bền vững cho khu Đăk Nông. Phương pháp nghiên cứu được áp dụng là phương pháp Delphi thông qua việc phỏng vấn xin ý kiến của 13 chuyên gia thuộc các lĩnh vực sinh thái, quản lý tài nguyên, du lịch và quản trị kinh doanh ở vòng 1 và 9 chuyên gia ở vòng 2. Các phương pháp thống kê được sử dụng trong bài báo đó là kiểm định phi tham số Friedman dùng để đánh giá sự nhất của các chuyên gia và hệ số liên quan giữa các nhóm (Intra-class Correlation Coefficient - ICC) để đánh giá độ tin cậy của các chỉ số. Kết quả cho thấy có một tiêu chí và 22 chỉ số bị loại bỏ còn lại 7 tiêu chí và 61 chỉ số được giữ lại nhằm đánh giá các hoạt động DLST bền vững cho khu vực nghiên cứu. Kết quả trên bước đầu cung cấp những cơ sở khoa học và phương pháp trong việc xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số đánh giá DLST bền vững nhằm cung cấp thêm bộ công cụ giúp cho việc ra các quyết định quản lý, đặc biệt cho các nhà quản lý tài nguyên thiên nhiên, nhà quản lý du lịch và những đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực DLST trong việc ra các quyết định quản lý đặc biệt chú trọng đến việc phát triển bền vững khu vực thông qua việc cung cấp các sản phẩm du lịch bền vững.

**Từ khóa:** Du lịch sinh thái, phát triển bền vững, phương pháp Delphi.

### **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Khu vực Tây Nguyên nói chung và Đăk Nông nói riêng được biết đến là khu vực giàu tiềm năng về đa dạng sinh học, với nhiều loài động thực vật đặc hữu, nhiều danh lam thắng cảnh và kỳ quan của thiên nhiên, khí hậu ôn hoà, mát mẻ. Trong những năm gần đây DLST vùng Đăk Nông đã thu hút được sự quan tâm của du khách trong và ngoài nước và đang dần được chú trọng và phát triển như là một hình thức phát triển kinh tế bền vững của khu vực. Không thể phủ nhận được DLST chính là một hình thức sử dụng tài nguyên thiên nhiên thân thiện với môi trường nếu đem so sánh với các hình thức khai thác và sử dụng tài nguyên khác như khai khoáng, khai thác gỗ, canh tác nông nghiệp, và một số hình thức khai thác khác. Tuy nhiên, nếu các hoạt động DLST không được kiểm soát hoặc quản lý yếu kém có thể dẫn đến suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Vì vậy đối với các nhà quản lý tài nguyên thiên nhiên thì DLST không những là cơ hội cho phát triển mà còn là những thách thức cần phải vượt qua.

Việc sử dụng bộ tiêu chí và chỉ số cho phát triển bền vững đã được biết đến và được Ủy ban liên hiệp quốc về phát triển bền vững (United Nation Commission of sustainable development - UNCSO) đề xuất như là các công cụ quan trọng sử dụng trong đo lường hiện trạng quản lý của phát triển bền vững. Tổ

chức Du lịch Thế giới (WTO) năm 1993 đã mạnh mẽ các ý tưởng về phát triển bộ chỉ số cho quản lý bền vững của du lịch. Đến năm (2004) trong cuốn "*Số hướng dẫn các chỉ số của phát triển bền vững các điểm đến du lịch*" WTO đã đề xuất bộ chỉ số đánh giá tính bền vững của điểm đến gồm 507 chỉ số chung cho tất cả các nước trên thế giới. Công trình nghiên cứu khác của Abidin năm (1999) đã phát triển bộ tiêu chí và chỉ số cho đánh giá các hoạt động phát triển DLST tại vườn quốc gia Taman Negara của Malaysia. Trong nghiên cứu này đã xây dựng được 15 tiêu chí và 58 chỉ số cho DLST bền vững và các hoạt động quản lý thích hợp. Fresque và Plummer (2006) cũng sử dụng phương pháp Delphi để khẳng định các chỉ số xã hội và sinh thái cho đánh giá sự thay đổi liên quan đến du khách sử dụng khu bảo tồn qua 3 vòng và đã xây dựng được 13 chỉ số về xã hội và 15 chỉ số về sinh thái.

Việt Nam trong thời gian vài thập kỷ trước đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp du lịch và đặc biệt là du lịch sinh thái. Số lượng du khách nói chung tham quan khu vực Đăk Nông hàng năm tăng đáng kể. Hiện vẫn còn những tranh cãi xoay quanh DLST bền vững phụ thuộc vào sự thành công của quản lý môi trường. Việc xây dựng được bộ tiêu chí và chỉ số cảnh báo cho sự thay đổi các yếu tố môi trường tại các điểm đến du lịch đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Sự hạn chế

trong công tác quản lý bền vững DLST sẽ được thể hiện thông qua hệ thống các tiêu chí và chỉ số hoạt động ở các thời điểm khác nhau.

Nghiên cứu này với mong muốn dựa trên các cơ sở khoa học và các công trình nghiên cứu có liên quan trong và ngoài nước để đưa ra bộ tiêu chí và chỉ số có hiệu quả trong việc quản lý và giám sát phát triển bền vững DLST thông qua phương pháp Delphi. Những tiêu chí và chỉ số đặt ra cần phải đa ngành và bao trùm tất cả các khía cạnh của xã hội, môi trường, kinh tế, văn hoá, sinh thái và các yếu tố thể chế. Đây là các yếu tố có ảnh hưởng đến việc phát triển DLST bền vững trong hệ thống rừng đặc dụng (Hammond 1995). Hy vọng những kết quả nghiên cứu này sẽ cung cấp một phương pháp chuẩn để có thể từ đó xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số liên quan đến việc theo dõi sự biến đổi các khía cạnh xã hội, môi trường, kinh tế, văn hoá, sinh thái và chính trị của một đơn vị địa lý cụ thể.

## **2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Phương pháp luận**

#### *Phát triển du lịch sinh thái bền vững*

DLST có mối quan hệ mật thiết với du lịch bền vững và là biện pháp kiểm soát các khía cạnh xã hội, kinh tế, văn hoá, tự nhiên và chính trị. Thực tiễn chỉ ra rằng rất cần thiết phải phát triển một số bộ tiêu chí cho phát triển bền vững với trọng tâm là các chỉ số DLST và dựa vào các chính sách có liên quan, các phân tích và đo lường hợp lý. Các quan điểm đã nói ở trên chỉ ra rằng DLST và phát triển bền vững song hành với nhau vì vậy việc thảo luận viết phát triển bền vững và DLST sẽ được đề cập trên 3 khía cạnh của phát triển bền vững. Tuy nhiên cả DLST và phát triển bền vững đều đặt ra các mục tiêu khó khăn và rất khó để đạt được. Vì vậy, rất nhiều các hoạt động DLST chỉ chứng minh rằng mình đã đóng góp cho phát triển bền vững những cách rất hạn chế, không chỉ ra được các quan tâm về mặt kinh tế, xã hội và môi trường mà nhỡ ra nó phải đáp ứng.

*Tiêu chí và chỉ số phát triển du lịch sinh thái bền vững*

Thuật ngữ "*du lịch sinh thái*" đã xuất hiện từ năm 1987 và được sử dụng như là để mô tả nhiều loại hoạt động. Bản thân từ DLST chính là từ ghép của du lịch và sinh thái. Năm 1991

Hội du lịch sinh thái (Ecotourism Society (TES)) đã phát triển định nghĩa DLST đó là "DLST là hình thức du lịch có trách nhiệm cho khu vực tự nhiên và bao gồm bền vững cả môi trường và cả phúc lợi chung của xã hội".

Tiêu chí và chỉ số (Criteria and Indicators - C & I) là một nhánh của các nguyên tắc DLST cung cấp khung lý thuyết chung cho việc mô tả, giám sát và ước tính thông qua một giai đoạn, quá trình theo hướng phát triển bền vững. C&I không phải là đo lường các chuẩn mực. Nguyên tắc DLST được đưa ra bởi các khái niệm DLST có thể đạt được trong quá trình hoạt động nhằm đạt tới mục tiêu phát triển bền vững trong mức độ hoạt động. Đây chỉ là một khả năng ứng dụng của các tiêu chí và chỉ số của điểm đến du lịch cụ thể (Kumari. S., Tewari et al., 2006).

Có rất nhiều loại chỉ số, mỗi loại có những ứng dụng khác nhau cho các nhà hoạch định chính sách. Trong khi phần lớn các chỉ số này có ứng dụng trực tiếp trong việc dự báo các vấn đề và được tập hợp trong các nhóm sau: (1) Chỉ số cảnh báo sớm (ví dụ sự suy giảm của số lượng du khách); (2) Chỉ số áp lực lên hệ thống (ví dụ như thiếu nước, sự mất đi của các loài động thực vật); (3) Chỉ số đo lường hiện trạng của ngành (ví dụ sự hài lòng của du khách); (4) Chỉ số đo lường tác động của phát triển du lịch đến môi trường kinh tế, xã hội và môi trường (ví dụ chỉ số của mức độ mất rừng, thay đổi của cơ cấu thu nhập người dân địa phương); (5) Chỉ số đo lường về các nỗ lực quản lý (ví dụ chi phí làm sạch các bờ biển bị ô nhiễm, các chương trình lồng ghép bảo tồn và phát triển du lịch); (6) Chỉ số đo lường về tác động, hiệu quả quản lý hoặc vấn đề thực thi (ví dụ thay đổi mức độ ô nhiễm, số lượng du khách quay trở lại tăng lên).

Tóm lại, có nhiều quan điểm khác nhau về việc xác định nội dung đánh giá DLST bền vững giữa các tác giả nhưng các nhà khoa học đều đồng tình với việc phải dựa trên các khía cạnh căn bản của phát triển bền vững, các khía cạnh của nguyên tắc DLST, bên cạnh đó cần quan tâm các đặc trưng của mỗi tình huống nghiên cứu cụ thể mà xác lập các tiêu chí, chỉ số đánh giá phù hợp. Hay nói cách khác việc xây dựng hệ thống các tiêu chí và chỉ số phải

thoả mãn nguyên tắc cụ thể và rõ ràng; Đo, đếm được, lượng hóa được; Khả thi; Hợp lý; Có phạm vi thời gian và phải là Yếu tố nhạy cảm với thay đổi.

## **2.2. Phương pháp Delphi**

Phương pháp Delphi là một phương pháp riêng biệt nhằm gợi mở và sàng lọc những ý kiến của nhóm dựa trên quan điểm là một nhóm chuyên gia thì sẽ tốt hơn một chuyên gia khi mà kiến thức chính xác không có sẵn. Phương pháp này sẽ tạo ra những quan điểm hấp dẫn, ý kiến và các đồng thuận từ một nhóm các chuyên gia. Kỹ thuật Delphi là phương pháp dự báo dài hạn của tập hợp dự báo của phần lớn các chuyên gia ở các lĩnh vực khác nhau. Để phát triển các chỉ số mục tiêu, nghiên cứu áp dụng kỹ thuật Delphi là một trong những phương pháp định tính nổi tiếng và kỹ thuật định hướng cho dự đoán các sự kiện tương lai thông qua sự đồng thuận. Việc lựa chọn cẩn thận các chuyên gia trả lời bảng câu hỏi trong hai hoặc nhiều vòng là yếu tố hết sức quan trọng (Dalkey & Helmer, 1969).

Việc lựa chọn chuyên gia tham để hình thành nên một nhóm các chuyên gia là bước quan trọng nhất trong kỹ thuật Delphi. Phương pháp Delphi không cho phép lựa chọn nhóm chuyên gia bằng phương pháp ngẫu nhiên, mà nhóm chuyên gia phải được xây dựng dựa trên sự cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố như kinh nghiệm và lĩnh vực nghiên cứu phù hợp (Ameyaw, 2016). Nhóm nghiên cứu đã đề xuất ý kiến và hình thành nên nhóm chuyên gia tham gia vào vòng 1 gồm 13 người. Thư mời và bảng câu hỏi 2 vòng được gửi đến nhóm chuyên gia đã được xây dựng nên. Các chuyên gia sẽ được yêu cầu đánh giá các chỉ số theo thang chia 5 bậc Likert, trong đó 1 là thể hiện chỉ số không liên quan rất cao còn 5 là chỉ số liên quan rất cao.

**Vòng 1:** Sử dụng một bản hỏi mở - đóng mà trong đó mỗi chuyên gia sẽ liệt kê các tiêu chí và chỉ số. Các chuyên gia (13 chuyên gia) sẽ được yêu cầu trình bày mức độ mà họ đồng ý với một chỉ số cụ thể liên quan đến vấn đề đưa ra bằng một giá trị thay đổi từ 1 đến 5. Nếu các chuyên gia cho giá trị từ  $\leq 3$  sẽ được hỏi đưa ra lý do tại sao cho tiêu chí đó bằng 3 và ở cuối bảng hỏi sẽ có bảng hỏi mở để các

chuyên gia bổ sung các tiêu chí mà họ cho là cần thiết để đánh giá các hoạt động DLST bền vững.

Những chuyên gia trong nhóm nghiên cứu, những người mà trả lời những câu hỏi trong vòng 1, được phân tích, tổng hợp, thu thập, sắp xếp thành bảng những câu trả lời để thành bảng câu hỏi thứ cấp. Bảng câu hỏi thứ cấp sẽ được kết hợp với những phản hồi và được phát triển và phát cho những nhà nghiên cứu ở vòng 2.

**Vòng 2:** Bảng hỏi thứ cấp sẽ được phát cho tất cả các thành viên nghiên cứu – nhóm nghiên cứu tham gia ở vòng 1. Chín chuyên gia đã phản hồi trong vòng 2. Mục tiêu của vòng 2 đó là sử dụng bảng câu hỏi để đạt được sự thống nhất hoặc sự ổn định của các thành viên nghiên cứu. Một khi sự đồng thuận hoặc sự ổn định đã đạt được quá trình nghiên cứu Delphi sẽ hoàn thành. Phương pháp Delphi kết thúc nếu một trong những tình huống này xảy ra. Nếu tất cả các câu hỏi trong bảng câu hỏi hoặc là được chấp nhận tất hoặc loại bỏ tất, điểm chung bình là cao hơn 3.5.

### ***Đánh giá sự nhất trí của các tiêu chí, chỉ số và cho điểm của các chuyên gia:***

Để đánh giá sự nhất trí của các tiêu chí dựa vào 3 chỉ tiêu đo lường đó là: Các số trung bình từ 4 trở lên, độ trải giữa (IQR) bằng 1 hoặc nhỏ hơn và giá trị độ lệch chuẩn dưới 1 trong thang đo Likert 5 điểm. Để kiểm tra mức độ đồng thuận của các chuyên gia sẽ áp dụng tiêu chuẩn phi tham số Friedman dành cho K mẫu liên hệ, nếu giả thuyết bị bác bỏ đồng nghĩa với việc ý kiến của các chuyên gia về bộ tiêu chí và chỉ số là không thống nhất với nhau.

### ***Đánh giá độ tin cậy của các giá trị trung bình đánh giá của các chuyên gia:***

Hệ số số liên quan giữa các nhóm (Intra-class Correlation Coefficient - ICC) để đánh giá độ tin cậy của các chỉ số. Về mặt thống kê ICC là một chỉ số thống kê mô tả có thể sử dụng để đo lường định lượng các đơn vị được tổ chức thành nhóm. Chỉ số này sẽ mô tả tính chặt chẽ của các đơn vị trong cùng một nhóm. Trong khi chỉ số này được coi như là một kiểu chỉ số liên hệ nhưng không giống như các đo lường liên hệ khác các đo lường này số liệu sẽ được cấu trúc dưới dạng nhóm hơn là việc cấu

trúc thành từng cặp so sánh (như trường hợp hệ số tương quan). Ngoài ra chỉ số ICC được sử dụng để đánh giá mức độ nhất quán, trong khuôn khổ bài viết này áp dụng để đánh giá mức độ tin cậy, không đánh giá mức độ nhất quán. Giá trị của ICC cũng tương tự như đối với hệ số tương quan, giá trị tuyệt đối nằm trong phạm vi từ 0 - 1. Cicchetti (1994) đã đưa ra thang đo cho chỉ số ICC như sau: Nhỏ hơn 0,40 - kém; Từ 0,40 đến 0,59 - Vừa; Từ 0,60 đến 0,74 - Tốt; Từ 0,75 đến 1,00 - Rất tốt;

### **3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

Bộ tiêu chí và chỉ số được gửi tới nhóm chuyên gia gồm 13 người đã lựa chọn, có tính đến các yếu tố về giới trong đó có 3 nhà khoa học là nữ. Tổng số các nhà khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội là 6 người, 7 nhà khoa học thuộc lĩnh vực sinh thái, môi trường và du lịch.

So sánh với những yêu cầu về kiện đánh giá loại bỏ các chỉ số đó là các chỉ số ít nhất một giá trị tính toán là  $TB > 4$ ;  $S > 1$ ;  $IQR > 1$ , kết quả thể hiện rằng ở vòng 1 có 8 tiêu chí và 62 chỉ số đạt tiêu chuẩn (Bảng 02). Kết quả kiểm nghiệm sự đồng nhất trong việc cho điểm giữa các chuyên gia bằng tiêu chuẩn Friedman cho thấy có sự khác biệt giữa cách cho điểm của các chuyên gia. Kết quả tính toán giá trị ICC cho thấy giá trị của các trị số bình quân là  $0,617 > 0,6$  đồng nghĩa với việc các giá trị bình quân này mức độ tin cậy ở mức sử dụng tốt.

Trong số các ý kiến đưa ra hầu hết là cho các chỉ số chỉ có duy nhất một ý kiến đưa ra về tiêu chí đó là tiêu chí về sức chịu tải. Theo chuyên gia này đề xuất thì không nên sử dụng tách biệt sức chịu tải là một tiêu chí mà nên "Sửa lại tiêu chí vì sức chịu tải chỉ là một chỉ số trong tiêu chí Mức độ thay đổi có thể chấp nhận được". Đây là một trong những ý kiến rất quý báu để nhóm nghiên cứu xem xét vì hầu như các chuyên gia đều hoài nghi về phương pháp đánh giá hoặc đánh giá rất thấp các chỉ số của tiêu chí này.

Những kết luận rút ra từ các ý kiến chuyên gia: (1) Cần phải có một khái niệm rõ ràng về các chỉ số đánh giá vì các chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác nhau nên cũng sẽ có những kiến thức hạn chế. (2) Các chỉ số đánh giá phải cụ thể rõ ràng, không thể chung chung hoặc gộp lại nhiều yếu tố vào một chỉ số. (3) Một số khái

niệm còn mang tính hàn lâm sẽ rất khó cho người đánh giá nếu không có chuyên môn về lĩnh vực này. (4) Các số liệu đánh giá hầu như không có hoặc rất khó để thu thập. (5) Một số loại số liệu thu thập cần phải có hệ thống ô định vị hoặc có các cơ sở dữ liệu như bản đồ, ảnh vệ tinh sẽ rất khó để thu thập được. (6) Có những số liệu có thể sẽ không có ở địa phương

Ngoài một số ý kiến mang tính tổng quan của các chuyên gia, còn là một số ý kiến khác tập trung vào phương pháp đánh giá, đối tượng đánh giá ví dụ như việc lập ô tiêu chuẩn sẽ không thể cho thấy được mức độ biến động về diện tích rừng... đây là một trong số thiếu sót của nhóm nghiên cứu chưa làm rõ cho các chuyên gia đánh giá. Khi mà Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2017 và ngày 01/01/2019 có hiệu lực thì việc phát triển du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng để phát triển DLST sẽ trở thành các hoạt động phổ biến đối với các đơn vị quản lý hệ thống rừng đặc dụng và các địa phương có các vốn tự nhiên có thể phát triển các hoạt động du lịch sinh thái.

Do vậy để đánh giá các hoạt động DLST diễn ra trong diện tích lâm nghiệp thì theo quy định của Luật Lâm nghiệp 2017 và Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp đã nêu trong điều 14, mục 6 khoản a "Thời gian thuê không quá 30 năm, định kỳ 5 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu thì chủ rừng xem xét tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê". Như vậy đánh giá các hoạt động DLST là điều kiện bắt buộc khi các doanh nghiệp muốn hoạt động DLST và sẽ diễn ra định kỳ 5 năm 1 và diễn ra sau khi kết thúc hợp đồng. Mục tiêu của đề tài là bước đầu đơn giản hoá việc đánh giá các hoạt động DLST bền vững bằng việc xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số. Tất nhiên những người sử dụng bộ tiêu chí và chỉ số này sẽ phải là những người có chức năng hoặc là hoạt động trong lĩnh vực đánh giá các hoạt động DLST.

**Bảng 1. Kết quả phân tích đánh giá chi tiết của các chuyên gia qua 2 vòng Delphi**

TT	Chỉ số	Vòng 1				Vòng 2			
		TB	TV	S	IQR	TB	TV	S	IQR
<b>Tiêu chí 1: Duy trì tính mạnh khoẻ của hệ sinh thái</b>									
1.1	Số lượng động vật hoang dã trong khu vực tăng lên	4,08	4	0,76	1	3,78	4	0,44	0
1.2	Cải thiện chất lượng môi trường và môi trường sống cho người dân	3,62	4	0,96	1				
1.3	Sự sẵn có của các nguồn nước trong TN và các dòng suối lâu năm (liên tục)	4,31	4	0,48	1	4,22	4	0,44	0
1.4	Sự xuất hiện của cỏ dại trong khu vực	4,15	4	0,90	1	4,33	4	0,50	1
1.5	Số lượng ngày mưa trong năm và tổng lượng mưa	4,77	5	0,44	0	4,44	5	0,73	1
1.6	Sự sẵn có của các loài cây bản địa	4,31	4	0,63	1	4,56	5	0,53	1
1.7	Số lượng loài thực vật có tên trong sách đỏ tăng lên	4,15	4	0,69	1	4,22	4	0,67	1
1.8	Sự xuất hiện của các loài chim di cư	3,77	4	0,93	1				
1.9	Mức độ xói mòn đất	3,85	4	0,80	0				
1.10	Sự thay đổi về độ che phủ rừng (forest cover)	3,92	4	1,19	1				
1.11	Diện tích rừng tự nhiên bị mất đi	4,00	4	1,22	1	4,22	4	0,67	1
1.12	Diện tích rừng tự nhiên bị suy giảm chất lượng	4,54	5	0,66	1	4,44	5	0,73	1
1.13	Diện tích rừng trồng mới trong khu vực	4,31	4	0,85	1	4,44	5	0,73	1
1.14	Tổng diện tích đường, lối đi bộ và các công trình XD trong khu vực	4,08	4	0,76	1	4,67	5	0,50	1
<b>Tiêu chí 2: Bảo tồn di sản văn hoá</b>									
2.1	Tính phổ biến của các hoạt động văn hoá truyền thống (văn hoá âm thực địa phương, trang phục dân tộc, âm nhạc và ngôn ngữ)	4,62	5	0,51	1	4,78	5	0,44	0
2.2	Sự tồn tại của các sự kiện truyền thống có sự tham gia của người dân	4,77	5	0,44	0	4,67	5	0,50	1
2.3	Sự tồn tại của các chương trình bảo tồn và phát triển những nét văn hóa truyền thống và tín ngưỡng của đồng bào	4,46	4	0,52	1	4,89	5	0,33	0
2.4	Số lượng các lễ hội bản địa được tổ chức tại cộng đồng bao gồm duy trì và phục hồi những lễ hội, nghi lễ dân gian (trò chơi, điệu hát, điệu múa, đấu vật...)	4,62	5	0,51	1	4,67	5	0,50	1
2.5	Biện pháp bảo tồn sự đa dạng canh tác nông nghiệp truyền thống và chăn nuôi không làm tổn hại đến môi trường	3,92	4	0,76	1				
2.6	Số lượng các doanh nghiệp địa phương có liên quan đến di sản văn hóa (ngành nghề truyền thống, âm nhạc, ẩm thực)	4,31	4	0,63	1	4,56	5	0,53	1
2.7	Duy tu và bảo dưỡng những kiến trúc nhà truyền thống (nhà sàn, nhà rông...)	4,38	4	0,65	1	4,44	5	0,73	1
2.8	Sự khuyến khích phát triển các nghề thủ công truyền thống	4,00	4	0,71	0	4,56	5	0,53	1
2.9	Số lượng thợ thủ công trong khu vực	4,23	4	0,73	1	4,78	5	0,44	0
2.10	Sự khuyến khích bảo tồn/phát triển các di sản hoá phi vật thể (sử thi, điệu múa, âm nhạc...)	3,85	4	0,80	0				
2.11	Số lượng nghệ nhân dân gian trong khu vực	4,46	4	0,52	1	4,78	5	0,44	0
<b>Tiêu chí 3: Môi trường thuận lợi để khuyến khích du lịch sinh thái</b>									
3.1	Sự tồn tại về thể chế và khung pháp lý cho DLST trong khu vực	4,15	4	0,80	1	4,22	4	0,67	1
3.2	Có khung pháp lý về sự tham gia của tất cả các bên liên quan trong quy hoạch, phát triển và thực thi các dự án DLST	3,85	4	0,90	1				
3.3	Sự sẵn có các cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch	4,31	4	0,48	1	4,44	4	0,53	1
3.4	Có tồn tại sự hợp tác giữa các bên liên quan (trong và ngoài vùng)	4,08	4	0,64	0	4,33	4	0,50	1
3.5	Sự có mặt của kế hoạch quốc gia đã được phê duyệt cho phát triển bền vững DLST	4,15	4	0,90	1	4,11	4	0,78	1
3.6	Sự có mặt và thực thi các kế hoạch quản lý bảo tồn các khu vực cảnh quan đẹp mắt trong vùng	4,15	4	0,69	1	4,33	4	0,71	1
3.7	Hình thành các quỹ địa phương cho bảo tồn và các hoạt động duy trì	4,38	4	0,65	1	4,33	5	0,87	1
3.8	Có hệ thống giám sát và cảnh báo sự cố môi trường	4,31	4	0,63	1	4,44	4	0,53	1
3.9	Số lượng các doanh nghiệp dự án DLST có báo cáo tác động môi trường định kỳ	4,23	4	0,83	1	4,22	4	0,83	1
3.10	Địa phương có quy hoạch hoặc kế hoạch cho phát triển DLST	4,54	5	0,52	1	4,44	5	0,73	1
3.11	Số lượng các dự án du lịch và bảo tồn	4,54	5	0,52	1	4,67	5	0,50	1

TT	Chỉ số	Vòng 1				Vòng 2			
		TB	TV	S	IQR	TB	TV	S	IQR
<b>Tiêu chí 4: Nâng cao thu nhập và phúc lợi xã hội</b>									
4.1	Số lượng các chương trình/dự án DLST có hoạt động cải tạo và XD mới CSHT	4,23	4	0,60	1	4,22	4	0,67	1
4.2	Số lượng cơ hội việc làm được tạo ra từ các hoạt động DLST cho địa phương	4,25	4	0,62	1	4,44	4	0,53	1
4.3	Tỷ trọng TN từ các hoạt động DLST so với các ngành nghề khác của địa phương	3,92	4	0,86	2				
4.4	Số lượng người có sinh kế là từ lâm sản ngoài gỗ	3,69	4	0,75	1				
4.5	Số lượng các cơ sở hạ tầng được phát triển bởi DL (đường xã, bệnh viện...)	3,92	4	0,86	0				
4.6	Tổng số thu nhập thời vụ từ các hoạt động du lịch	4,00	4	0,82	2				
4.7	Vấn đề công bằng trong chia sẻ lợi ích	3,54	3	0,66	1				
4.8	Số lượng người thoát khỏi ngưỡng nghèo đói nhờ DLST	3,54	4	0,52	1				
<b>Tiêu chí 5: Sự hài lòng của du khách</b>									
5.1	Số lượng du khách hàng năm	4,54	5	0,52	1	4,67	5	0,50	1
5.2	An toàn của du khách thông qua Số lượng tai nạn, ngẫu nhiên và không mong muốn trong toàn khu vực của du khách	4,38	4	0,65	1	4,56	5	0,53	1
5.3	Số lượng du khách quay trở lại tham quan	4,23	4	0,60	1	4,44	5	0,73	1
5.4	Thời gian lưu trú bình quân của du khách	4,38	4	0,51	1	4,56	5	0,53	1
5.5	Tỷ lệ du khách hài lòng về các sản phẩm DLST	4,23	4	0,60	1	4,56	5	0,53	1
5.6	Cung cấp cho du khách cơ hội trải nghiệm tuyệt vời về văn hoá cũng như thiên nhiên	4,15	4	0,38	0	4,22	4	0,44	0
5.7	Tỷ lệ du khách hài lòng về dịch vụ lưu trú	4,31	4	0,63	1	4,44	4	0,53	1
5.8	Tỷ lệ du khách hài lòng về dịch khác (ăn uống, mua sắm...)	4,31	4	0,63	1	4,44	4	0,53	1
5.9	Du khách hài lòng về các hoạt động truyền thông môi trường	4,31	4	0,63	1	4,33	4	0,50	1
5.10	Nhận thức của du khách về vấn đề môi trường tăng lên	4,08	4	0,76	1	4,11	4	0,78	1
5.11	Số lượng khiếu nại bởi du khách cho các đơn vị du lịch (các đơn vị quản lý du lịch, rừng, và cảnh sát)	4,15	4	0,69	1	4,44	5	0,73	1
<b>Tiêu chí 6: Sức chịu tải</b>									
6.1	Sự sẵn có về các khái niệm chịu tải phát triển bởi cộng đồng địa phương	3,54	3	0,66	1				
6.2	Số lượng các lều trại/nơi nghỉ chân cho người đi bộ trên các tuyến đi bộ	4,46	4	0,52	1	3,44	3	0,53	1
6.3	Sự sẵn có của các khái niệm sức chịu tải trên các mặt sinh thái, xã hội, kinh tế và khả năng chứa du khách	3,54	3	0,66	1				
6.4	Mức độ thay đổi chấp nhận được đến địa điểm du lịch quan trọng	3,85	4	0,69	1				
6.5	Xuống cấp môi trường sống của động và thực vật	3,92	4	0,49	0				
6.6	Sự đồng thuận về các khái niệm sức chịu tải của các cấp phép du lịch của các cơ quan chức năng	3,77	4	0,60	1				
6.7	Sự đồng thuận của các khái niệm chịu tải bởi các nhà hành tour du lịch	3,77	4	0,60	1				
<b>Tiêu chí 7: Sự tham gia của người dân &amp; hình thành và nâng cao nhận thức môi trường</b>									
7.1	Số lượng các nhà nghỉ dạng home stay sẵn có của địa phương	4,69	5	0,48	1	4,89	5	0,33	0
7.2	Số lượng người tham gia vào hoạt động du lịch (được tuyển dụng lao động trực tiếp)	4,46	4	0,52	1	4,67	5	0,50	1
7.3	Số lượng người tham gia gián tiếp vào các hoạt động du lịch	4,15	4	0,69	1	4,22	4	0,67	1
7.4	Số lượng các buổi họp/hội thảo/ các hoạt động liên quan đến DLST trong năm của cộng đồng	4,31	4	0,63	1	4,44	4	0,53	1
7.5	Số lượng nữ lao động là người địa phương tham gia vào các hoạt động DLST	4,38	4	0,51	1	4,33	4	0,50	1
7.6	Số lượng người đã học được kỹ năng mới và có công việc tốt hơn	4,15	4	0,55	0	4,22	4	0,44	0
7.7	Số lượng người tham dự vào các chương trình hợp tác vốn/tự bỏ vốn	4,15	4	0,55	0	4,44	4	0,53	1
7.8	Tỷ lệ người dân được lấy ý kiến về quy hoạch, chủ trương đầu tư dự án DLST trước khi triển khai	4,00	4	0,82	2				
7.9	Số lượng các kế hoạch, quy hoạch có sự tham gia của người dân	4,15	4	0,69	1	4,33	4	0,71	1
7.10	Cung cấp cho người dân cơ hội truyền thông/điển giải môi trường	4,08	4	0,64	0	4,22	4	0,83	1
7.11	Nâng cao nhận thức về môi trường cho người dân địa phương	4,15	4	0,55	0	4,33	4	0,50	1

TT	Chỉ số	Vòng 1				Vòng 2			
		TB	TV	S	IQR	TB	TV	S	IQR
<b>Tiêu chí 8: Giáo dục và nâng cao nhận thức về môi trường nói chung</b>									
8.1	Du khách tuân thủ nội quy, quy chế bảo vệ tài nguyên, môi trường tại điểm DL	4,15	4	0,55	0	4,44	5	0,73	1
8.2	Số lượng các tour và khách sạn có những chiến lược/hoạt động bảo vệ môi trường	4,23	4	0,60	1	4,67	5	0,71	0
8.3	Số lượng người dân địa phương bị xử phạt vì vi phạm quy chế bảo vệ môi trường	4,46	5	0,78	1	4,67	5	0,71	0
8.4	Số lượng du khách bị xử phạt vì vi phạm quy chế bảo vệ môi trường	4,46	5	0,78	1	4,33	4	0,71	1
8.5	Số lượng doanh nghiệp DLST bị xử phạt vì vi phạm các quy chế bảo vệ tài nguyên, môi trường	4,38	5	0,77	1	4,44	5	0,73	1
8.6	Số lượng các hoạt động truyền thông/điển giải MT cho du khách	4,46	5	0,66	1	4,44	5	0,73	1
8.7	Số lượng hình thức tuyên truyền chỉ dẫn về giữ gìn vệ sinh và bỏ rác đúng nơi quy định cho du khách	4,46	5	0,66	1	4,67	5	0,50	1
8.8	Số lượng các hoạt động truyền thông/điển giải môi trường diễn ra hàng năm cho cộng đồng	4,38	4	0,65	1	4,67	5	0,50	1
8.9	Số lượng hoạt động giáo dục về bảo vệ thiên nhiên, môi trường ở các trường học địa phương	4,38	4	0,65	1	4,67	5	0,50	1
8.10	Số lượng trung tâm cung cấp thông tin các mặt trong đó có môi trường cho du khách	4,46	5	0,66	1	4,67	5	0,50	1

Như vậy, bộ câu hỏi đề gửi đến nhóm chuyên gia ở vòng 2 sẽ bao gồm có 8 tiêu chí và 63 chỉ số (tính thêm chỉ số 1.11). Tương tự vòng 1 kết quả kiểm nghiệm sự đồng nhất trong việc cho điểm giữa các chuyên gia bằng tiêu chuẩn Friedman cho thấy có sự khác biệt

giữa cách cho điểm của các chuyên gia. Kết quả tính toán giá trị ICC cho thấy giá trị của các trị số bình quân là  $0,450 > 0,4$  đồng nghĩa với việc các giá trị bình quân này mức độ tin cậy ở mức vừa – có thể tin cậy được.

**Bảng 2. Kết quả đánh giá qua 2 vòng bằng phương pháp Delphi**

Vòng	Các chỉ số bị loại bỏ do có	Các đặc trưng thống kê
1	1.2; 1.8; 1.9; 1.10; 1.11 <sup>1</sup> ; 2.5, 2.10; 3.2; 4.3; 4.4; 4.5; 4.6; 4.7; 4.8; 6.1; 6.3; 6.4; 6.5; 6.6; 6.7; 7.8	Friedman = 360,771; Asymp. Sig. = 0,000 ICC = 0,617
2	1.1; 6.2	Friedman = 175,275; Asymp. Sig. = 0,000 ICC = 0,450

*Ghi chú: <sup>1</sup>Riêng trường hợp đặc biệt chỉ số 1.11 - Diện tích rừng tự nhiên mất đi có độ lệch chuẩn ( $S = 1,2 > 1$ ) tiêu chí này là một trong những tiêu chí quan trọng có thể dễ dàng đo lường vì vậy, nhóm nghiên cứu không loại bỏ và vẫn quyết định giữ lại cho vòng điều tra thứ 2*

Kết quả điều tra vòng 2 thu được 9 trên tổng số 13 phiếu điều này tương đương với 70% các chuyên gia có câu trả lời ở vòng 2. Kết quả tính toán được ghi cụ thể trong bảng 01, trong bảng này cho thấy hầu hết các chỉ số đều thỏa mãn điều kiện kể cả chỉ số 1.11, riêng có 2 chỉ số 1.1 và 6.2 có giá trị trung bình tính toán  $< 4$ . Vòng 2 sẽ dừng lại vì tất cả các giá trị trung bình đều  $> 3,5$ . Vì chỉ số 6.2 là chỉ số duy nhất của tiêu chí 6 vì vậy đồng nghĩa với tiêu chí 6 cũng bị loại bỏ khỏi danh sách. Như vậy sau kết quả vòng 2 vòng sau khi loại bỏ các tiêu chí không phù hợp số tiêu chí và chỉ số còn lại là 7 tiêu chí và 61 chỉ số.

**5. KẾT LUẬN**

Nghiên cứu này thu được các kết quả nghiên cứu chính như sau: (1) Về mặt phương pháp để xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số nhóm nghiên cứu đã ứng dụng phương pháp Delphi dựa vào đánh giá của nhóm chuyên gia liên ngành gồm 13 người ở vòng 1 và 9 người ở vòng 2. Qua mỗi vòng đánh giá nhóm tác giả có sử dụng thống kê để kiểm định tính nhất quán của các chuyên gia khi cho điểm bằng tiêu chuẩn phi tham số Friedman. Kiểm tra độ tin cậy của giá trị bình quân các điểm đánh giá của các chuyên gia bằng chỉ số Intraclass Correlation Coefficient (ICC). (2) Về kết quả

đạt được nhóm nghiên cứu đề xuất bộ gồm 8 tiêu chí và 83 chỉ số được gửi đến cho 13 chuyên gia đánh giá qua 2 vòng vòng 1 gồm 13 chuyên gia và vòng 2 gồm 9 chuyên gia. Kết quả cuối cùng thu được 7 tiêu chí và 61 chỉ số. Những kết quả nghiên cứu này có thể xem là công trình tiên phong phục vụ cho việc xây dựng các công cụ hữu ích cho phát triển DLST bền vững khu vực Đắk Nông nói riêng và các khu vực khác trong cả nước nói chung.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH**

Abidin, Z. (1999). *The identification of criteria and indicators for the sustainable management of ecotourism in Taman Negara National Park, Malaysia* [electronic resource]: a Delphi consensus, West Virginia University. Ph. D: 192.

Ameyaw, E. E., et al. (2016). *Application of Delphi method in construction engineering and management research: a quantitative perspective*. *Civil Engineering and Management* 22(8): 991-1000.

Cicchetti, D.V. (1994). *Guidelines, criteria, and rules of thumb for evaluating normed and standardized assessment instruments in psychology*. *Psychological Assessment*, 6, 284–290.

Dalkey N., Helmer O. 1969. *An Experimental application of the Delphi method to use of expert*. *Management Science*, 9 (3), 458–467.

Fresque, J. and Plummer, R. (2006). *Determining social and ecological indicators in canadian parks: Utilizing the Delphi method*. Ontario: Brock University

Hammond, A. (1995). *Environmental indicators: A systematic approach to measuring and reporting on environmental policy performance in the context of sustainable development*. Washington, DC:World Resource Institute

Kumari, S. Tewari, H.R & Inbakaran, R. (2006). *Sustainability Criteria and Indicators as Tools to Evaluate the Visitor Impact on Fragile Ecotourism Destinations: A Case Study of Kanchandzonga Biosphere Reserve, Sikkim, India*.

Tsaur S.H., Lin Y.C., Lin J.H. 2006. *Evaluating ecotourism sustainability from the integrated perspective of the resource, community and tourism*. *Tourism Management*, 27 (4), 640–653.

WTO, (1993). *Indicators for the sustainable management of tourism*. *International Working Group on Indicators of Sustainable Tourism*. Canada.

WTO, (2004). *Indicators of Sustainable Development for Tourism Destinations: A Guidebook*. Madrid, Spain.

## **GENERATING CRITERIA AND INDICATORS FOR MONITORING SUSTAINABLE ECOTOURISM: A CASE STUDY APPLYING THE DELPHI METHOD IN ĐẮK NÔNG PROVINCE**

**Nguyen Thi Thanh An<sup>1</sup>, Phi Dang Son<sup>1</sup>**  
<sup>1</sup>*Vietnam National University of Forestry*

### **SUMMARY**

The purpose of this study is to apply the Delphi technique to generate criteria and indicators for assessing ecotourism sustainability in Đắk Nông province. This research is conducted among a multidisciplinary panel team of experts to apply a set of criteria at a case study site in Đắk Nông province. Over two rounds, the panel team included 13 experts in the first round, and 9 experts in the second round, covering various aspects such as social, ecological, cultural, economic and institutional factors. The analysis indicated a criteria that involved removing 22 indicators. The remaining 7 criteria and 61 indicators were considered to be relevant to the sustainable ecotourism development of the case study area. The research results provide initial scientific evidence for a methodology in generating a set of criterias and indicators for assessing sustainable ecotourism. This approach can be applied by researchers at other case study sites, or utilized as a tool for policy makers in natural resource and tourism management that are interested in contributing to sustainable ecotourism outcomes.

**Keywords: Delphi method, ecotourism, sustainable development.**

**Ngày nhận bài : 10/5/2019**

**Ngày phản biện : 19/8/2019**

**Ngày quyết định đăng : 26/8/2019**